TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT
Ngày 01-3-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên–Thư kýTAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2018/TLPT- DS ngày 26 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS - ST ngày 15 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐ - PT ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Từ Thế Anh H1, sinh năm 1987; địa chỉ: đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T; địa chỉ: Văn phòng Luật sư B, đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – đường N, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn 14b, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thanh N1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk , vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Ông Từ Thế Anh H1, sinh năm 1987; địa chỉ: đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Văn bản ủy quyền ngày

09/5/2018, có mặt;

- Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn 14b, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn 14b, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk- Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018, có mặt;

- Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn 14b, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Đỗ Xuân T1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 05, xã EB, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

- Ông Lục Văn T2, sinh năm 1948, vắng mặt;

- Ông Hà Đình X, sinh năm 1958, vắng mặt;

- Bà Hà Thị N2, sinh năm 1969, vắng mặt;

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1980, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Vi Văn K, sinh năm 1980, vắng mặt;

- Ông Hà Ngọc T3, sinh năm 1982, có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 11, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Trần Văn T4, sinh năm 1968, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964, có mặt;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 14b, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Cầm Thị H2, sinh năm 1961, có mặt;

- Ông Hà Minh Đ1, sinh năm 1966, vắng mặt;

- Ông Ngân Văn H3, sinh năm 1966, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 10, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn 1, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

- Ông Bùi Văn K1, sinh năm 1971; địa chỉ: 81 M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

- Ông Hoàng Văn P1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 9, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Hà Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng ông Từ Thế Anh H1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vào ngày 10/3/2002, ông Hà Văn H có nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Xuân T1 một thửa ruộng có diện tích khoảng 25.000m^2 tại thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đ3;

Phía Nam giáp đất ông Đ4;

Phía Tây giáp suối cạn;

Phía Bắc giáp đất ông T6.

Khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy sang nhượng có xác nhận và vẽ trích đo của UBND xã Y. Năm 2003 ông H nhận chuyển nhượng thêm của ông Ngân Văn H3 với diện tích đất khoảng 7.500m^2 giáp ranh với phần đất phía Nam thửa đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Xuân T1. Vì vậy tổng diện tích thửa đất của gia đình ông H là hơn 32.500m^2.

Đến đầu năm 2004 thì ông Phạm Văn K2 (là bố chồng bà Hoàng Thị N) lấn chiếm của ông khoảng 5000m^2 đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất bà N đang làm 114,5m;

Phía Nam giáp đất ông H đang sử dụng còn lại dài 109,5m;

Phía Đông giáp suối cạn dài 42,5m;

Phía Tây giáp đất ông Vi Văn K dài 41m.

Khi phát hiện ông Phạm Văn K2 lấn chiếm đất thì gia đình ông H đã can ngăn nhiều lần nhưng không được. Tháng 5 năm 2004, ông H có báo cho ông Lục Văn T2(lúc đó là thôn trưởng) để can thiệp nhưng ông T2 nói với ông H rằng "hiện đã bầu thôn trưởng mới là ông Hà Ngọc T7 nên ông đến báo với ông T7" nhưng khi ông H đến báo với ông T7 thì ông T7 không giải quyết. Đến tháng 7 năm 2007 ông H phải chấp hành án hình sự cho đến tháng 9 năm 2013 mới ra tù. Khi trở về vẫn thấy bà Hoàng Thị N canh tác trên diện tích đất mà ông đã mua của ông T1 nên tiếp tục yêu cầu bà N trả lại đất nhưng bà N vẫn không chịu trả. Sau khi hết thời gian thử thách, tháng 9 năm 2017 ông H mới làm đơn yêu cầu UBND xã Y giải quyết, sau đó khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 28/8/2018, ông H đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Hoàng Thị N, ông Phạm Thanh P và anh Phạm Ngọc Đ phải trả lại cho vợ chồng ông diện tích đã lấn chiếm là 4.141m^2 có tứ cận:

Phía Đông giáp ruộng ông X dài 56,7m, bà Hà Thị N1 dài 29,8m, bà T6 dài 22,2m;

Phía Tây giáp ruộng bà Hoàng Thị N khai hoang dài 7,4m, giáp suối dài 15m;

Phía Nam giáp ruộng ông K dài 40,7m;

Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị N khai hoang dài 46,6m.

Quá trình tham gia tố tụng bà Hoàng Thị N vừa là bị đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp với ông Hà Văn H là do bố chồng bà là ông Phạm Văn K2 nhận chuyển nhượng của ông Hà Ngọc T7, trú tại: thôn 12, xã Y vào ngày 17/01/2003. Sau đó ông K2 cho lại vợ chồng bà mảnh đất này để canh tác. Lúc gia đình bà canh tác thì đã có bờ ranh do gia đình ông T7 đắp để ngăn cách với thửa đất của ông H. Sau đó bà có thuê máy cày vào dọn dẹp gốc le và máy múc vào san ủi 02 ụ mối mở rộng diện tích ra phía suối nên tổng diện tích đất hiện nay vào khoảng 07 sào (7.000m^2). Từ lúc bà canh tác vào năm 2003 đến năm 2017, không ai đến tranh chấp, bà N và ông Hà Đình X (anh em với ông Hà Văn H) có biết việc bà canh tác nhưng không ai có ý kiến tranh chấp gì. Năm 2017, ông Hà Văn H đến tranh chấp với bà và bảo bà không được làm nữa. Nay ông H yêu cầu gia đình bà trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm là 4.141m^2 thì bà không đồng ý.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc Đ trình bày: Anh Đ nhất trí với ý kiến của bà N đã trình bày và có bổ sung thêm rằng khi Nhà nước có chủ trương đo đạc đất để vào sổ mục kê thì ông H không kê khai mà chỉ có bà Hà Thị N1 và ông Hà Đình X kê khai. Còn về trích đo do UBND xã Y đo đạc không kiểm tra nên mới vẽ sơ đồ đất của ông H ra đến bờ suối.

Quá trình tố tụng những người làm chứng ông Vi Văn K, ông Hà Ngọc T3, ông Trần Văn T4, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị L, bà Cầm Thị H2, ông Bùi Văn K1, ông Hoàng Văn P2 đều trình bày: Từ năm 2003 đến nay những người này đều thấy gia đình bà Hoàng Thị N canh tác trồng đậu và làm lúa trên đất này, sau đó gia đình bà N có thuê ông K1 cày đất, ông P1 san ủi ruộng nên diện tích rộng thêm ra như bây giờ, quá trình gia đình bà N canh tác thì không thấy ai đến tranh chấp hay khiếu nại gì.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Đỗ Xuân T1 trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 1995 ông có khai hoang thửa đất mà hiện nay đã bán lại cho ông Hà Văn H. Thửa đất này lúc đó ông khai hoang khoảng 02ha. Do không có nhu cầu sử dụng nên vào ngày 10/3/2002 ông đã bán lại cho ông Hà Văn H với số tiền là 4.000.000đ, còn lại khoảng 5000m^2 phía đuôi giáp suối cạn ông có chặt sơ một số cây. Trong thời gian ông khai hoang thửa đất này có thấy ông Hà Ngọc T7 và ông Hà Ngọc T3 là con trai ông T7 cùng khai phá, tuy nhiên do lúc đó phần đất phía đuôi xấu, lại dốc nên ông có nói với ông T7 là "cháu có chặt cây ở đó đấy" nhưng trong ý thức của ông cũng để mặc cho ông T7 làm, sau đó ông có thấy gia đình ông T7 canh tác trên đất này. Thực tế ông chỉ bán cho ông H khoảng 02ha không đo đạc cụ thể mà chỉ áng chừng.

Theo lời trình bày của ông Phạm Văn T5 thì có thấy ông H canh tác trên phần đất đang tranh chấp với bà N và ông khẳng định phần đất này là của ông H.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Đ2 thì thời điểm ông H nhận chuyển nhượng đất của ông T1, do đất chưa có sổ đỏ nên ông không rõ vị trí thửa đất các bên tranh chấp với nhau như thế nào, tuy nhiên ông có ký vào các giấy tờ cho ông H và ông T1 để xác nhận các bên đã chuyển nhượng đất cho nhau.

Theo lời trình bày của ông Lục Văn T2 thì trong thời gian ông làm thôn trưởng thôn 12, xã Y, huyện E từ năm 1998 đến năm 2002, vào năm nào không nhớ nhưng ông có được ông H báo với ông là ông K2 có tranh chấp đất với ông H, nhưng lúc này ông đã bàn giao thôn trưởng cho ông Hà Ngọc T7 nên ông có nói với ông H là lên gặp ông T7 để báo cáo còn ông không có quyền giải quyết nữa. Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai bên như thế nào thì ông không biết.

Tại biên bản thẩm định đất ngày 07/8/2018, Hội đồng thẩm định đất đã đo đạc phần đất các bên tranh chấp thể hiện:

Phía Đông giáp ruộng ông X dài 56,7m, bà Hà Thị N1 dài 29,8m, bà T6 dài 22,2m;

Phía Tây giáp ruộng bà Hoàng Thị N khai hoang dài 7,4m, suối dài 15m;

Phía Nam giáp ruộng ông K dài 40,7m;

Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị N khai hoang dài 46,6m.

Diện tích đang tranh chấp là 4.141m^2. Số diện tích 4.141m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại theo quy hoạch là đất trồng lúa hai vụ, đã được kê khai vào trong sổ mục kê thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 22, xã Y, huyện E, người đăng ký là ông Hà Ngọc T7.

Tại biên bản định giá đất ngày 07/8/2018, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Hà Văn H và bà Hoàng Thị N là 4.141m^2 x 16.000đ/m^2 = 66.256.000đ (sáu mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

**** Tại bản án số 13/2018/DS-ST ngày 15/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H về việc yêu cầu bà Hoàng Thị N, ông Phạm Thanh P, ông Phạm Ngọc Đ phải trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất đã lấn chiếm là 4.141m^2.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hà Văn H phải nộp số tiền 3.000.000đ để chi phí cho việc thẩm định đất và định giá đất, được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp.

3. Về án phí: Miễn Toàn bộ án phí DSST cho ông Hà Văn H. Trả lại cho ông H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0006363 ngày 18/4/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2018, ông Hà Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên ý kiến và lời trình bày của mình như trong quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông T1 là có thật, hai bên có làm giấy tờ và có trích đo của UBND xã Y thể hiện đất ông H nhận chuyển nhượng của ông T1 đến bờ suối, ông T5 là Chủ tịch xã cũng xác nhận điều này. Ông Phạm Văn B là người cày đất cho ông H vào năm 2002, 2003 cũng xác nhận. Sau khi ông K2 đến lấn chiếm thì ông H cũng đã báo với ông Lục Văn T2 và ông Hà Ngọc T7. Năm 2007, ông H đi tù đến năm 2013 ông H mới ra tù, do nhận thức kém nên khi biết bà N chiếm đất thì ông H không kiện ra Tòa án vì đang trong thời gian giám sát của chính quyền địa phương. Nay ông H khởi kiện bà N tranh chấp đất là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hà Văn H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông H và buộc bà N, ông P và ông Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 4.141m^2 cho ông H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự và luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng:Yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện EaSup.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Hà Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1]Về nguồn gốc thửa đất, nguyên đơn ông Hà Văn H cho rằng vào năm 2002 ông có nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Xuân T1 khoảng 25.000m^2 và năm 2003 nhận chuyển nhượng thêm của ông Ngân Văn H2 khoảng 7.500m^2 giáp ranh với phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông T1. Như vậy tổng diện tích đất của ông H khoảng 32.500m^2. Đến năm 2004 thì ông Phạm Văn K2 (là bố chồng bà Hoàng Thị N) lấn chiếm đất của gia đình ông H diện tích 4.141m^2 (theo đo đạc thực tế) nên ông H đã ngăn cản và báo với thôn trưởng giải quyết. Tuy nhiên đến tháng 7/2007 ông H phải chấp hành án phạt tù đến năm 2013 nên năm 2017 ông H mới khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp, bà Hoàng Thị N cho rằng đây là đất mà bố chồng bà N là ông Phạm Văn K2 mua lại của ông Hà Ngọc T7 năm 2003 với diện tích khoảng 4.000m^2. Sau đó ông K2 cho lại vợ chồng bà N để sản xuất. Sau khi nhận đất bà có thuê máy cày vào dọn dẹp gốc le và thuê máy múc vào san ủi 02 ụ mối và ủi thêm về phía bờ suối mở rộng diện tích nên diện tích hiện đang sử dụng khoảng 7.000m^2. Khi nhận chuyển nhượng thì đất của ông T7 đã có bờ ranh ngăn cách với đất của ông H và hiện tại vẫn giữ nguyên đến bây giờ.

[2.1.2] Qua việc thu thập lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Ông Đỗ Xuân T1, là người bán đất cho ông H cho rằng trên thực tế ông T1 chỉ bán cho ông H khoảng 20.000m^2 không đo đạc cụ thể mà chỉ áng chừng, còn lại khoảng 5.000m^2 ở phía đuôi giáp suối cạn ông T1 có chặt sơ một số cây. Trong thời gian này ông Hà Ngọc T7 và con trai ông T7 cũng cùng khai phá, do lúc này phần đất phía đuôi xấu, dốc nên trong ý thức của ông T1 là để mặc cho ông T7 làm và sau này gia đình ông T7 canh tác trên đất này.

Những người làm chứng ông Vi Văn K, ông Hà Ngọc T3, ông Trần Văn T4, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị L, bà Cầm Thị H2, ông Bùi Văn K1, ông Hoàng Văn P1 đều xác định từ năm 2003 đến nay gia đình bà Hoàng Thị N canh tác trên đất này. Ông Bùi Văn K1, ông Hoàng Văn P1 là những người được gia đình bà N thuê để san ủi diện tích đất hiện bà N đang sử dụng. Những người này đều xác nhận từ năm 2003 đến nay thì gia đình bà N sử dụng đất không thấy ai đến tranh chấp.

[2.1.3] Trong quá trình UBND xã Y tổ chức kê khai đất để vào sổ mục kê thì ông H không đứng ra kê khai thửa đất đang tranh chấp với bà N. Trên thực tế thửa đất này ông Hà Ngọc T7 đã đứng ra kê khai thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 22, xã Y, huyện E với diện tích 5.222m^2 vào khoảng năm 2002. Mặc khác, trong thời gian gia đình bà N sử dụng đất từ năm 2003 cho đến năm 2017 gia đình ông H không có ý kiến khiếu nại gì. Thời điểm UBND xã Y tổ chức kê khai đất để vào sổ mục kê thì chỉ có ông Hà Đình X và bà Hà Thị N1 (là anh em ruột của ông

H) đứng ra kê khai thửa đất ông H nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Xuân T1, còn thửa đất tranh chấp với bà N thì ôngH không kê khai mà thửa đất này trên thực tế ông Hà Ngọc T7 kê khai

Ngoài ra, Ông Hà Đình X và bà Hà Thị N1 cũng cho rằng bờ đất ranh giới giữa các bên từ năm 2003 đến nay vẫn không thay đổi. Ông Nguyễn Văn Đ2 là cán bộ địa chính thời điểm ông H mua đất của ông T1 xác nhận không rõ vị trí thửa đất các bên tranh chấp với nhau như thế nào.

[2.2] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 4.141m^2 tọa lạc tại thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk mà các bên đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Phạm Văn K2 nhận chuyển nhượng lại của ông Hà Ngọc T7 vào ngày 17/01/2003, trước đó ông T7 đã tiến hành kê khai đất, vào sổ mục kê lưu tại UBND xãY, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ 22. Sau khi mua đất của ông T7, ông K2 cho bà N canh tác thì bà N có thuê máy cày vào dọn gốc le và thuê máy múc vào san ủi các ụ mối và mở rộng thêm diện tích như hiện trạng đang sử dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H cho rằng 4.141m^2 đất này là do ông H mua lại của ông T1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn ông Hà Văn H là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc thái) sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hà Văn H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H về việc yêu cầu bà Hoàng Thị N, ông Phạm Thanh P, ông Phạm Ngọc Đ phải trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất đã lấn chiếm là 4.141m^2.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí:

[2.1] Buộc ông Hà Văn H phải nộp số tiền 3.000.000đ để chi phí cho việc thẩm định đất và định giá đất, được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp.

[2.2] Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Hà Văn H.Trả lại cho ông H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0006363 ngày 18/4/2018.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng